

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CỬ CHI
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**
Số: 429/2019/QĐST-VHNGĐ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Củ Chi, ngày 26 tháng 4 năm 2019

QUYẾT ĐỊNH
SƠ THẨM GIẢI QUYẾT VIỆC HÔN NHÂN VÀ GIA ĐÌNH
V/v yêu cầu xác định cha cho con

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CỬ CHI, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Thành phần giải quyết việc hôn nhân và gia đình gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên họp: Bà Nguyễn Ngọc Thúy Ái.

Thư ký phiên họp: Bà Nguyễn Thị Lựa, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên họp: Bà Nguyễn Thị Huyền, Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 4 năm 2019, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh mở phiên họp sơ thẩm công khai giải quyết việc hôn nhân và gia đình thụ lý số: 342/2019/TLST-VHNGĐ ngày 19 tháng 3 năm 2019 về việc “Yêu cầu xác định cha cho con” theo Quyết định mở phiên họp sơ thẩm giải quyết việc hôn nhân và gia đình số: 179/2019/QĐST-VHNGĐ ngày 16 tháng 4 năm 2019, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

- *Người yêu cầu giải quyết việc hôn nhân và gia đình:* Ông Lê Thanh Đ, sinh năm: 1971.

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Số 984 Quốc lộ 22, tổ 1, ấp P, xã P, huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh.

- *Người bị yêu cầu giải quyết việc hôn nhân và gia đình:* Ông Lê Văn K, sinh năm: 1924 (mất năm: 1998).

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú trước khi mất: Số 984 Quốc lộ 22, tổ 1, ấp P, xã P, huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

+ Ông Lê Văn T, sinh năm: 1945 (Xin vắng mặt);

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Ấp L, xã T, huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh.

+ Bà Lê Thị P, sinh năm: 1950 (Xin vắng mặt);

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Ấp M, xã P, huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh.

+ Bà Lê Thị P1, sinh năm: 1951 (Xin vắng mặt);

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Ấp M, xã P, huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh.

+ Ông Lê Quốc T, sinh năm: 1954 (Xin vắng mặt);

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Tổ 5, ấp L, xã T, huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh.

+ Bà Lê Thị Á, sinh năm: 1962 (Xin vắng mặt);

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Số 982 Quốc lộ 22, tổ 1, ấp P, xã P, huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh.

+ Bà Lê Thị M, sinh năm: 1964 (Xin vắng mặt);

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Số 249/38 đường T, phường T, quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh.

+ Bà Lê Thị Chín, sinh năm: 1965 (Xin vắng mặt).

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Tổ 3, ấp M, xã T, huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VIỆC DÂN SỰ:

* Tại đơn yêu cầu giải quyết việc hôn nhân và gia đình nộp ngày 12/3/2019 và tại phiên họp, người yêu cầu là ông Lê Thanh Đ trình bày:

Cha mẹ ông là ông Lê Văn K, sinh năm 1924, mất năm 1998 và bà Lê Thị Đ, sinh năm 1927, mất năm 2018, cha mẹ ông có 08 người con bao gồm: Lê Văn T, sinh năm: 1945, Lê Thị P, sinh năm: 1950, Lê Thị P, sinh năm: 1951, Lê Quốc T, sinh năm: 1954, Lê Thị Á, sinh năm: 1962, Lê Thị M, sinh năm: 1964, Lê Thị C, sinh năm: 1965 và ông là Lê Thanh Đ, sinh năm: 1971.

Khi ông còn nhỏ, cha mẹ ông hiểu biết về pháp luật hạn chế nên đến năm 2011 ông mới đi làm khai sinh quá hạn, vì cha mất năm 1998 nên giấy khai sinh của ông chỉ ghi tên mẹ, không có tên cha. Trước giải phóng, do thời buổi chiến tranh loạn lạc, các anh chị cùng cha cùng mẹ với ông như đã nêu trên làm thất lạc giấy khai sinh, chỉ còn anh trai ruột là Lê Quốc T, sinh năm 1954 (còn có năm sinh khác là 1960) có Trích lục khai sinh có ghi đầy đủ tên cha tên mẹ nên ông đã đề nghị Tòa án nhân dân huyện Củ Chi trưng cầu giám định AND của ông và anh T, kết quả giám định cho thấy ông và anh T có quan hệ huyết thống cùng cha cùng mẹ, nay vì phát sinh nhiều vấn đề trong gia đình cần phải bỏ tước tên cha nên ông yêu cầu Tòa án xác định ông Lê Văn K là cha ruột của ông.

* Tại các bản tự khai ngày 02/4/2019, những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Lê Văn T, bà Lê Thị P, bà Lê Thị P, bà Lê Thị Á, bà Lê Thị M và bà Lê Thị C trình bày:

Các ông, bà thống nhất với trình bày của ông Lê Thanh Đ về quan hệ nhân thân như ông Đ đã nêu và xác định ông Đ là em ruột cùng cha cùng mẹ với các ông, bà.

* Tại bản tự khai ngày 02/4/2019 và đơn xin xác nhận năm sinh ngày 03/4/2019, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Lê Quốc T trình bày:

Ông thống nhất với trình bày của ông Lê Thanh Đ về quan hệ nhân thân như ông Đ đã nêu và xác định ông Đ là em ruột cùng cha cùng mẹ với ông. Thời chế độ Cộng hòa, ông làm giấy khai sinh và khai nhỏ tuổi (20/10/1960) để tham gia hoạt động

cách mạng, sau khi đất nước hoàn toàn giải phóng ông làm lại giấy chứng minh nhân dân khai đúng ngày tháng năm sinh là 05/5/1954.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ việc dân sự được thẩm tra tại phiên họp; ý kiến của các đương sự và đại diện Viện kiểm sát tại phiên họp, Tòa án nhân dân huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết:

Theo nội dung Đơn yêu cầu xác định cha cho con của ông Lê Thanh Đ có cơ sở xác định yêu cầu của ông Đ là “Yêu cầu xác định cha cho con” theo quy định tại Khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Dân sự năm 2015 và Khoản 10 Điều 29 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015, người bị yêu cầu là ông Lê Văn K có nơi cư trú trước khi mất tại số 984 Quốc lộ 22, tổ 1, ấp P, xã P, huyện Củ Chi nên vụ việc thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân huyện Củ Chi theo quy định tại điểm a Khoản 2 Điều 35 và điểm t Khoản 2 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về thủ tục tố tụng:

Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Lê Văn T, Lê Thị P, Lê Thị P1, Lê Quốc T, Lê Thị Á, Lê Thị M và Lê Thị C có đơn xin vắng mặt nên Tòa án vẫn tiến hành phiên họp theo quy định tại Khoản 1 Điều 227 và Khoản 3 Điều 367 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[3] Về quyền yêu cầu xác định cha cho con:

Tại bản Trích lục án phòng lục sự tòa sơ thẩm Bình Dương – Tối cao Pháp viện (Việt Nam Cộng Hòa) ngày 27/5/1971 thì ông Lê Thanh Đ có cha là Lê Văn K, mẹ là Lê Thị Đ, tuy nhiên tại Giấy khai sinh số 132, quyển số 01/2011 do Ủy ban nhân dân xã P, huyện Củ Chi cấp cho ông Đ chỉ ghi tên mẹ là Lê Thị Đ, căn cứ Khoản 2 Điều 101 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 và Khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Dân sự năm 2015 thì ông Đ có quyền yêu cầu Tòa án xác định cha cho con cho ông Đ.

[4] Về yêu cầu của đương sự:

Theo lời trình bày của Lê Thanh Đ thì do cha mẹ ông là ông Lê Văn K và bà Lê Thị Đ thiếu hiểu biết nên khi sinh ông không làm giấy khai sinh, đến năm 2011 ông mới đi làm giấy khai sinh, lúc này cha ông đã mất (năm 1998) nên giấy khai sinh của ông chỉ ghi tên mẹ, không có tên cha. Ông có người anh ruột tên Lê Quốc T, sinh ngày 20/10/1960, có làm thủ tục khai sinh theo Trích lục án phòng lục sự tòa ngày 27/5/1971 của Tòa sơ thẩm Bình Dương (Việt Nam Cộng Hòa), theo tài liệu này thì ông T có cha là Lê Văn K và mẹ là Lê Thị Đ.

Tại Đơn xin xác nhận năm sinh ngày 03/4/2019 của ông Lê Quốc T gửi Ban Chỉ huy Công an xã T, huyện Củ Chi có nội dung xác nhận như sau: “Đương sự Lê Quốc T, sinh ngày 20/10/1960 theo Trích lục án phòng lục sự tòa ngày 27/5/1971 của Tòa sơ thẩm Bình Dương (Việt Nam Cộng Hòa) và đương sự Lê Quốc T, sinh ngày 05/5/1954 theo chứng minh nhân dân số 020128910, ngày cấp: 07/12/2009, nơi cấp: Công an Thành phố Hồ Chí Minh là cùng một người”.

Với xác nhận trên của Ban Chỉ huy Công an xã T, huyện Củ Chi, ngày 08/4/2019, Tòa án nhân dân huyện Củ Chi đã ban hành Quyết định trưng cầu giám định số: 09/2019/QĐ-TCGD về việc thực hiện giám định ADN đối với ông Lê Quốc T và ông Lê Thanh Đ, tại Phiếu kết quả phân tích ADN số KQ 1915442 ngày 11/4/2019 của Công ty Cổ phần Dịch vụ Phân tích Di truyền (Gentis) kết luận ông Lê Quốc T và ông Lê Thanh Đ có quan hệ huyết thống anh em trai cùng cha cùng mẹ. Ông Lê Quốc T có cha mẹ là ông Lê Văn K và Lê Thị Đ, do đó có đủ cơ sở xác định ông Lê Thanh Đ có cha ruột là ông Lê Văn K, phù hợp với quy định “*Con có quyền nhận cha, mẹ của mình, kể cả trong trường hợp cha, mẹ đã chết*” tại Khoản 1 Điều 90 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 và quy định về quyền nhân thân trong hôn nhân và gia đình tại Điều 25 và Khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

[5] Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Củ Chi tham gia phiên họp phát biểu: Quá trình thụ lý và tại phiên họp, Thẩm phán đã tuân thủ và thực hiện đúng theo quy định tại Điều 48 và Điều 377 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Xét các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ việc và lời trình bày của người yêu cầu tại phiên họp, đề nghị Thẩm phán Chủ tọa phiên họp áp dụng Khoản 4 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015 và Khoản 1 Điều 90 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 chấp nhận yêu cầu của ông Lê Thanh Đ

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào Khoản 4 Điều 28, Điểm b Khoản 2 Điều 35, Điểm t Khoản 2 Điều 39, Khoản 1 Điều 149, Điều 367, Điều 370, Điều 371 và Điều 372 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ Khoản 1 Điều 90 và Khoản 2 Điều 101 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Căn cứ Điều 25 và Khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

- Căn cứ vào Khoản 1 Điều 37 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận đơn yêu cầu của ông Lê Thanh Đ.

Tuyên bố ông Lê Văn K, sinh năm 1924 là cha ruột của ông Lê Thanh Đ, sinh năm: 1971.

Ông Lê Thanh Đ được quyền liên hệ với các cơ quan chức năng có thẩm quyền để làm thủ tục cải chính hộ tịch theo quy định của pháp luật.

2. Lệ phí sơ thẩm giải quyết việc dân sự:

Ông Lê Thanh Đ phải chịu lệ phí sơ thẩm giải quyết việc dân sự là 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng), được cản trừ vào tiền tạm ứng lệ phí sơ thẩm theo biên lai số: AA/2018/0015804 ngày 19/3/2019 của Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Củ Chi. Ông Đ đã nộp đủ lệ phí sơ thẩm giải quyết việc hôn nhân và gia đình.

3. Quyền kháng cáo, kháng nghị:

Người yêu cầu có quyền kháng cáo, Viện kiểm sát cùng cấp có quyền kháng nghị Quyết định này trong thời hạn 10 (Mười) ngày, kể từ ngày Tòa án ra Quyết định.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến việc giải quyết việc dân sự vắng mặt tại phiên họp thì thời hạn kháng cáo được tính từ ngày nhận được Quyết định hoặc kể từ ngày Quyết định được thông báo, niêm yết.

Viện kiểm sát cấp trên trực tiếp có quyền kháng nghị Quyết định này trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày, kể từ ngày Tòa án ra Quyết định.

4. Quyền yêu cầu thi hành án, nghĩa vụ thi hành án, thời hiệu yêu cầu thi hành án: Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 của Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Đường sự;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Củ Chi;
- Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Củ Chi;
- Ủy ban nhân dân xã P, huyện Củ Chi;
- Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh;
- Lưu: VP, Hồ sơ việc dân sự.

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN HỌP